

Số: 24/2026/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 03 tháng 02 năm 2026

## NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi, thời gian hưởng hỗ trợ khi tham gia phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 83/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;*

*Xét Tờ trình số 384/TTr-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức chi, thời gian hưởng hỗ trợ khi tham gia phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi, thời gian hưởng hỗ trợ khi tham gia phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết quy định cụ thể mức chi và thời gian hưởng hỗ trợ khi tham gia phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ liên quan đến phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

## **Điều 2. Nguyên tắc chung**

1. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được các cơ quan, đơn vị quản lý chặt chẽ, chi tiêu đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả, công khai, minh bạch, không trùng lặp; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để phục vụ cho công tác tổ chức bầu cử.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức tiếp tục sử dụng các phương tiện, thiết bị đã được trang bị để phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được; đồng thời huy động các phương tiện đang được trang bị ở cơ quan, đơn vị, tổ chức để phục vụ cho công tác bầu cử bảo đảm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước.

3. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng một mức bồi dưỡng, hỗ trợ cao nhất; danh sách chi bồi dưỡng, hỗ trợ theo quyết định thành lập của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Việc lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị được thực hiện theo Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, Nghị quyết này và các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước.

## **Điều 3. Mức chi và thời gian hưởng hỗ trợ**

1. Mức chi và thời gian hưởng hỗ trợ được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Các nội dung chi khác không quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật hiện hành; việc thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ và trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## **Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

2. Trong phạm vi kinh phí phục vụ bầu cử được cơ quan có thẩm quyền phân bổ (ngân sách trung ương hỗ trợ, ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã), các cơ quan, đơn vị và địa phương chủ động xây dựng kế hoạch, sử dụng kinh phí được giao, bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi và các quy định pháp luật hiện hành.

3. Trong thời gian chờ cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí phục vụ công tác bầu cử, các cơ quan, đơn vị, địa phương được chủ động sử dụng nguồn dự toán ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao để bảo đảm kịp thời phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.


2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

#### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua.

2. Đối với các công việc đã triển khai thực hiện trước khi Nghị quyết này có hiệu lực, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ quy định tại Nghị quyết này và chứng từ chi tiêu thực tế, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, thì áp dụng theo quy định của văn bản đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

*Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 03 tháng 02 năm 2026. l. *

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh; Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PT-TH Quảng Trị;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, P.CTHĐND (T).



**Nguyễn Đăng Quang**



**Phụ lục**

**MỨC CHI VÀ THỜI GIAN HƯỞNG HỖ TRỢ KHI THAM GIA PHỤC VỤ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026 - 2031**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 02 năm 2026 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp xã	
<b>1</b>	<b>Chi xây dựng văn bản</b>				
a	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử		Thực hiện theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật		
b	Chi xây dựng văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh tại điểm a mục 1 Phụ lục này liên quan đến công tác bầu cử có phạm vi toàn tỉnh, toàn xã, phường do Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Ban Bầu cử các cấp và Tổ bầu cử ban hành (Quy chế hoạt động, kế hoạch, thông tri, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết công cuộc bầu cử trong toàn tỉnh)				
-	Xây dựng văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu chỉnh lý)	đồng/văn bản	2.000.000	1.000.000	
-	Xin ý kiến bằng văn bản của các cá nhân, chuyên gia		100.000 đồng/người/lần; tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 200.000 đồng/người/văn bản	50.000 đồng/người/lần; tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 100.000 đồng/người/văn bản	
<b>2</b>	<b>Chi tổ chức hội nghị</b>		Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC		
<b>3</b>	<b>Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử</b>		Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức		
<b>4</b>	<b>Chi bồi dưỡng các cuộc họp</b>				

*Handwritten signature in blue ink.*

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp xã	
a	Các cuộc họp của Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử các cấp; Tổ bầu cử				
-	Chủ trì cuộc họp	đồng/người/buổi	300.000	200.000	
-	Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	150.000	100.000	
-	Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	70.000	70.000	
b	Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử (bao gồm cuộc họp của Tiểu ban bầu cử - nếu có)				
-	Chủ trì cuộc họp	đồng/người/buổi	150.000		
-	Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	100.000		
-	Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	70.000		
5	<b>Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử các cấp (ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành)</b>				
a	Trưởng đoàn giám sát	đồng/người/buổi	200.000		
b	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	đồng/người/buổi	150.000		
c	Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phục vụ đoàn giám sát				
-	Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát	đồng/người/buổi	100.000		
-	Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	đồng/người/buổi	70.000		
d	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát				
-	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát	đồng/báo cáo	3.000.000	2.500.000	
-	Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử	đồng/báo cáo	5.000.000	3.000.000	
-	Xin ý kiến bằng văn bản của các cá nhân, chuyên gia	đồng/người/lần	100.000 đồng/người/lần; tổng mức chi xin ý kiến tối đa không quá 300.000 đồng/người/văn bản	50.000 đồng/người/lần; tổng mức chi xin ý kiến tối đa không quá 200.000 đồng/người/văn bản	
-	Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo	đồng/báo cáo	700.000	400.000	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp xã	
6	<b>Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử</b>				
a	Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	100.000		
b	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	80.000		
c	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	50.000		
7	<b>Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử</b>				
a	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:				
-	Trưởng ban, các Phó Trưởng ban Chỉ đạo; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	1.600.000	1.200.000	Thời gian hưởng hỗ trợ chi bồi dưỡng được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, từ thời điểm thành lập Ủy ban bầu cử đến khi kết thúc nhiệm vụ. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Nghị quyết, quyết định thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt
-	Ủy viên Ban Chỉ đạo, ủy viên ủy ban bầu cử, thành viên các Ban bầu cử	đồng/người/tháng	1.200.000	900.000	
-	Thành viên tổ giúp việc ủy ban bầu cử, thành viên các Tổ giúp việc của các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội	đồng/người/tháng	900.000	600.000	
b	Thành viên tổ bầu cử, các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử), không bao gồm các ngày tham gia đoàn kiểm tra giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử	đồng/người/ngày	100.000		Trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và hưởng theo thời gian thực tế được trung tập, huy động, thời gian tối đa không quá 15 ngày
	Trưởng hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa	đồng/người/tháng	1.500.000		
c	Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử), áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.	đồng/người/ngày	200.000		

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp xã	
8	<b>Chi khoản hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử</b>				
-	Trường ban, các Phó Trường ban Chỉ đạo, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	300.000	250.000	Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, từ thời điểm Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt
-	Ủy viên Ban Chỉ đạo; Ủy viên ủy ban bầu cử, Thành viên các Ban bầu cử	đồng/người/tháng	250.000	200.000	
-	Thành viên tổ giúp việc ủy ban bầu cử; Thành viên các Tổ giúp việc của các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội	đồng/người/tháng	200.000	150.000	
9	<b>Chi phí hành chính cho công tác bầu cử</b>				
a	Chi đóng hòm phiếu (trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung), mức chi tối đa	đồng/hòm phiếu	400.000		
b	Chi khắc dấu (trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung), mức chi tối đa (mức chi chưa bao gồm phí, lệ phí)	đồng/dấu	400.000		
c	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử (trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, cần phải bổ sung), mức chi tối đa	đồng/bảng	1.500.000		
10	<b>Chi trang bị tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ bầu cử</b>		Thực hiện theo đúng định mức, chế độ, chi tiêu hiện hành trong phạm vi dự toán ngân sách hàng năm giao cho các cơ quan, đơn vị		
11	<b>Các nội dung chi khác phục vụ cho công tác bầu cử như: Chi in ấn hồ sơ, tài liệu, ấn phẩm phục vụ công tác bầu cử, chi phương tiện đi lại; chi vận chuyển phiếu bầu, quản lý và kiểm phiếu bầu; chi cho công tác đảm bảo an ninh, trật tự, thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn và vận động bầu cử; chi thuê hội trường và địa điểm bỏ phiếu (nếu có), chi trang trí, loa đài,... tại các tổ bầu cử; chi văn phòng phẩm; chi thông tin liên lạc (cước gửi công văn, cước phí internet, cước điện thoại cố định và các khoản chi khác</b>		Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt		